

Số: 1213/UBND-KTTH

An Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2024

V/v lập kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, (sau đây gọi tắt là các Sở, ngành và địa phương) lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2021 - 2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025, các Sở, ngành và địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 theo từng nguồn vốn đầu tư như sau: (1) Nguồn ngân sách trung ương trong nước; (2) Nguồn ngân sách trung ương ngoài nước (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài); (3) Nguồn vốn ngân sách tỉnh; (4) Nguồn vốn ngân sách cấp huyện; (5) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần tập trung các nội dung sau:

1. Việc quản lý, triển khai và chấp hành quy định pháp luật về đầu tư công (trung hạn và hằng năm)

2. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, nhiệm vụ, dự án theo từng nguồn vốn cụ thể.

3. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm các năm 2021, 2022, 2023 (kể cả vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm sau), ước thực hiện năm 2024, dự kiến kế hoạch năm 2025 theo từng nguồn vốn: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương trong nước, nước ngoài, tăng thu ngân sách trung ương hằng năm cho đầu tư; ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện tăng thu ngân sách địa phương hằng năm cho đầu tư), vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, cụ thể:

a) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước và từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 nhưng chưa được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để hoàn trả (nếu còn).

b) Thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định, bao gồm cả việc triển khai theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội; xác định số dư vốn ứng trước còn lại phải bố trí vốn thu hồi trong giai đoạn 2026 - 2030 (nếu còn).

c) Tình hình triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

d) Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023, dự phòng ngân sách trung ương hằng năm (nếu có).

đ) Số dự án, kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tương ứng (chi tiết dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C):

Xác định danh mục dự án và kế hoạch đầu tư công chi tiết theo từng nguồn vốn tương ứng (chi tiết dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C), cụ thể:

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa bố trí đủ vốn kế hoạch hằng năm (chi tiết số vốn giao và giải ngân hằng năm);

- Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ;

- Danh mục dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm (không bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư);

- Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài đã ký Hiệp định, đã được gia hạn Hiệp định vay nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài có Hiệp định vay hết thời hạn trước 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ.

e) Tình hình thực hiện kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư; tình hình phân bổ, điều chỉnh, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án.

h) Đối với vốn ngân sách cấp huyện, đề nghị các địa phương báo cáo rõ số vốn cân đối ngân sách cấp huyện được địa phương giao hằng năm so với tổng số vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm và số vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm; tình hình thực hiện nguồn bội chi, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương hằng năm cho đầu tư. Đánh giá nguồn thu từ đất, mức độ thu từ đất so với kế hoạch trung hạn; nguồn thu từ xổ số kiến thiết, mức độ thu từ xổ số kiến thiết so với kế hoạch trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá tình hình thực hiện cam kết bố trí vốn của địa phương đối với những dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh nhất là dự án trọng điểm.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển; tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn của nhà đầu tư).

5. Kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư, năng lực tăng thêm. Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo từng nguồn vốn.

6. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc; Nguyên nhân (khách quan, chủ quan); Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bài học kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị (kể cả các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách cần triển khai trong thời gian còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra (nếu có)).

7. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), đề nghị các Sở, ngành và địa phương đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải ngân vốn từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025; làm rõ thuận lợi, khó khăn, vướng mắc phát sinh, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, kiến nghị (nếu có), cụ thể như sau:

a) Chủ quản chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần đánh giá:

- Kết quả xây dựng, ban hành, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình (bao gồm cả kết quả sửa đổi, bổ sung các văn bản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền); Đánh giá việc áp dụng các quy định đặc thù trong việc thực hiện CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025.

- Tình hình thực hiện, phân bổ, sử dụng vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh... chi tiết đến dự án thành phần, vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có); cân đối, sử dụng vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả việc chấp hành quy định về bố trí vốn đối ứng).

- Các kết quả đạt được, trong đó làm rõ kết quả đạt được các mục tiêu đã được phê duyệt tại các Quyết định đầu tư CTMTQG; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan, bài học kinh nghiệm và trách nhiệm của các cấp, các ngành.

b) Cơ quan chủ quản chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc) đánh giá:

- Tình hình ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG. Tình hình tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp cụ thể để xử lý các khó khăn (đề nghị kiến nghị rõ cơ quan có thẩm quyền xử lý).

- Tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương, vốn đối ứng của tỉnh, của huyện theo quy định) chi tiết theo các dự án thành phần, vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có);

- Các kết quả đạt được; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân (khách quan, chủ quan), bài học kinh nghiệm và trách nhiệm của các cấp, các ngành; đề xuất giải pháp, chính sách (nếu có).

- Kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực trong thực hiện các CTMTQG (nếu có) tại các Sở, ngành và địa phương (nếu có).

c) Các chủ đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

Đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu (gồm vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, trong đó cụ thể vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có)), chi tiết đến dự án thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; kết luận của Kiểm toán nhà nước và kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan (nếu có).

II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Tổng số vốn đầu tư công của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao cho các Sở, ngành và địa phương. Tình hình phân bổ vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình của các Sở, ngành và địa phương.

2. Tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trong kế hoạch đầu tư công hằng năm (báo cáo cụ thể về tình hình điều chỉnh vốn kế hoạch giữa nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình cho nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, việc hoàn trả vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm cho nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình).

3. Kết quả đạt được, tính khả thi và khả năng hoàn thành các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, trách nhiệm của cá nhân, tập thể. Bài học kinh nghiệm. Đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có).

III. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, bám sát các nội dung Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh); Nghị quyết, văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

b) Vốn đầu tư công được tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ lớn, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

Ưu tiên bố trí vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh; Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các công trình hạ tầng giao thông, các khu công nghiệp, các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng du lịch và dịch vụ logistics; dự án phát triển hệ thống hạ tầng thủy lợi, đề điều kết hợp đường giao thông nông thôn, nội đồng, đặc biệt là xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước; hệ thống các hồ chứa nước; hệ thống hồ trữ

ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiểu vùng Tứ giác Long Xuyên; các dự án trong lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng công nghệ thông tin; văn hóa - xã hội, thể dục - thể thao; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng - an ninh.

c) Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng.

d) Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt là đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn đến phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội...

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

a) Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh, Nghị quyết, văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030. Phù hợp với Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối, kế hoạch vay trả nợ công.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền quyết định. *Hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang dự thảo Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.*

c) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các Sở, ngành và địa phương để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với các mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030; tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án

kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 (nếu có), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội (nếu còn).

d) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2025 (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025) và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Trên cơ sở các quy định tại Luật Đầu tư công, các mục tiêu, định hướng, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại điểm 1 và 2 Mục III, các Sở, ngành và địa phương rà soát, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực cho nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản (phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015) theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (nếu còn);

c) Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch);

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (làm rõ vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

g) Phân bổ vốn cho cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

h) Những nội dung cần lưu ý:

- Các dự án khởi công mới phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định dự án theo quy định tại Chương II của Luật Đầu tư công.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn.

- Dự kiến các danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030 trên cơ sở sắp xếp thứ tự ưu tiên, cấp bách; Danh mục dự án các dự án có ý kiến của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó, có các dự án đã có chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030.

Dự kiến huy động nguồn lực đầu tư của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 tăng không nhiều so với giai đoạn 2021 - 2025, do đó đề nghị các Sở, ngành và địa phương lựa chọn các công trình thật sự cấp thiết, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, không đầu tư dàn trải; đảm bảo có tác động thúc đẩy phát triển ngành, lĩnh vực, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

IV. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 9 năm 2024.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát đánh giá và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 các Chương trình mục tiêu quốc gia gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm 2024.

3. Các Sở, ngành và địa phương rà soát đánh giá và lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 theo các nội dung nêu trên gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm 2024.

Việc đánh giá kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là rất quan trọng, khối lượng công việc lớn, thời gian triển khai gấp, do đó đề nghị các Sở, ngành, và địa phương khẩn trương thực hiện các nội dung hướng dẫn nêu trên; trong đó, tập trung đánh giá sát kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công (năng lực tăng thêm, hiệu quả đầu tư mang lại,...), rà soát điều chỉnh kế hoạch đảm bảo tính chính xác, thực tế, khả thi (để việc xây dựng kế hoạch năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 được chặt chẽ, kịp thời) gửi **báo cáo và các mẫu biểu kèm theo văn bản này** về Sở Kế hoạch

và Đầu tư theo đường văn thư, văn phòng điện tử (VNPT-iOffice) và Sở Tài chính theo đúng thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các Sở, ngành và địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để xử lý, hướng dẫn bảo đảm thực hiện đúng theo Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 25/CTT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: các PCT (để b/c);
- VP.UBND tỉnh: LĐVP & P. KTTH,
KTN, KGVX;
- Lưu: HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước